

Đơn vị: Trường mầm non An thắng

Mã ĐVQHNS: 1082526

Mẫu số: S26-H

(Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Bếp ăn

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Quạt					2		3.450.000				
			Quạt cây	Cái	1	1.000.000	1.000.000				
			Quạt trần	Cái	1	2.450.000	2.450.000				
Loại CCDC: Nồi					33		16.196.000				
			Nồi Inox 304 KT(24x24)cm	Cái	6	315.000	1.890.000				
			Nồi Inox 304 KT(26x26)cm	Cái	6	777.833	4.667.000				
			Nồi Inox 304 KT(28x28)cm	Cái	6	385.000	2.310.000				
			Nồi Inox 304 KT(30x30)cm	Cái	7	415.000	2.905.000				
			Nồi Inox 304 KT(32x32)cm	Cái	7	492.000	3.444.000				
			Nồi nấu 60 lít	Cái	1	980.000	980.000				
Loại CCDC: CCDC					29		26.558.000				
			Bếp gas công nghiệp	Cái	1	650.000	650.000				
			Cân đồng hồ 30kg	Cái	1	418.000	418.000				
			Chảo to phi 60	Cái	1	480.000	480.000				
			Chậu rửa đơn có bàn, có bánh xe di chuyển : KT (2,9mx660cmxC92cm) chất liệu Inox 304	Cái	1	7.500.000	7.500.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
			Chậu rửa đơn không bàn, có bánh xe di chuyển : KT (2,9mx660cmxC92cm) chất liệu Inox 304	Cái	1	6.100.000	6.100.000				
			Dao	Bộ	1	680.000	680.000				
			Giá đựng bát Inox	Cái	1	450.000	450.000				
			Giá đựng bát Inox	Cái	1	350.000	350.000				
			Giá đựng bát Inox	Cái	4	250.000	1.000.000				
			Giá hấp bánh Inox	Cái	12	265.000	3.180.000				
			Giá Inox 304 KT(60x80)cm	Cái	1	640.000	640.000				
			Nồi nấu canh 90l	Cái	2	1.020.000	2.040.000				
			Thớt gỗ	Cái	1	550.000	550.000				
			Thùng tone đựng gạo KT (1,5x1,2)m	Cái	1	2.520.000	2.520.000				
Tổng cộng					64		46.204.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Phòng tiếng anh

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại TSCĐ: Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác					1		19.000.000				
			Ti vi 65 inch Samsung UA55AU7002KXXV	Cái	1	19.000.000	19.000.000				
Tổng cộng					1		19.000.000				

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hương

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Toán

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 3C1

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại TSCĐ: Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác					1		13.500.000				
			Ti vi 55 inch Samsung UA55AU7002KXXV	Cái	1	13.500.000	13.500.000				
Loại CCDC: Tủ					3		21.500.000				
			Bảng quay 2 mặt	Cái	1	2.700.000	2.700.000				
			Tủ cá nhân 15 ô	Cái	1	9.900.000	9.900.000				
			Tủ đựng chén chiếu Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					2		1.200.000				
			Loa vi tính	Cái	1	1.000.000	1.000.000				
			Tai nghe vi tính	Cái	1	200.000	200.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					3		1.120.000				
			Chăn hơi	Cái	2	380.000	760.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					7		34.855.000				
			Bình nóng lạnh Rossi 20l cùng phụ kiện	Cái	1	4.850.000	4.850.000				
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	2	9.505.000	19.010.000				
			Giả đồ chơi góc nấu ăn	Cái	1	3.800.000	3.800.000				
			Giả góc chuyên đề 4 ô + 3 ngăn kéo	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
			Giả góc mái nhà và chú gấu	Cái	1	3.460.000	3.460.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
			Thùng đựng rác	Cái	1	235.000	235.000				
Tổng cộng					17		72.560.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hương

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 3C2

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại TSCĐ: Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác					1		13.500.000				
			Ti vi 55 inch Samsung UA55AU7002KXXV	Cái	1	13.500.000	13.500.000				
Loại CCDC: Tủ					2		18.800.000				
			Tủ cá nhân 15 ô	Cái	1	9.900.000	9.900.000				
			Tủ đựng chén chiếu Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					1		200.000				
			Tai nghe vi tính	Cái	1	200.000	200.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					3		1.120.000				
			Chăn hơi	Cái	2	380.000	760.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					7		35.230.000				
			Bình nóng lạnh Rossi 20l cùng phụ kiện	Cái	1	4.850.000	4.850.000				
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	2	9.505.000	19.010.000				
			Giá đồ chơi quây bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			Giá góc học tập 5 ô	Cái	1	3.175.000	3.175.000				
			Giá góc mái nhà và chú gấu	Cái	1	3.460.000	3.460.000				
			Thùng đựng rác	Cái	1	235.000	235.000				
Tổng cộng					15		69.235.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02
- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 3C3

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Bàn					26		13.030.000				
			Bàn học sinh	Cái	5	630.000	3.150.000				
			Bàn học sinh	Cái	11	630.000	6.930.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa chân sắt	Cái	10	295.000	2.950.000				
Loại CCDC: Ghế					14		4.130.000				
			Ghế học sinh	Cái	9	295.000	2.655.000				
			Ghế nhựa học sinh	Cái	5	295.000	1.475.000				
Loại CCDC: Quạt					1		630.000				
			Quạt đứng Media FS 40-17FRB	Cái	1	630.000	630.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					2		3.150.000				
			Giá để đồ chơi và học liệu: KT (0,9-1,2x0,3x0,6-1,2)m	Cái	1	2.950.000	2.950.000				
			Tai nghe vi tính	Cái	1	200.000	200.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					3		1.120.000				
			Chăn hơi	Cái	2	380.000	760.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					9		46.195.000				
			Bình nóng lạnh Rossi 20l cùng phụ kiện	Cái	1	4.850.000	4.850.000				
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	2	9.505.000	19.010.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
			Giá đồ chơi góc nấu ăn	Cái	1	3.800.000	3.800.000				
			Giá đồ chơi quây bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			giá góc bán hàng	Cái	1	4.200.000	4.200.000				
			Giá góc chuyên đề 5 ô	Cái	1	3.200.000	3.200.000				
			Giá góc học tập 5 ô	Cái	1	3.175.000	3.175.000				
			Giá góc mái nhà và chú gấu	Cái	1	3.460.000	3.460.000				
Tổng cộng					56		68.640.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 3C4

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Bàn					5		1.475.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa chân sắt	Cái	5	295.000	1.475.000				
Loại CCDC: Tủ					2		11.600.000				
			Bảng quay 2 mặt	Cái	1	2.700.000	2.700.000				
			Tủ đựng chăn chiếu Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					3		1.120.000				
			Chăn hơi	Cái	2	380.000	760.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: CCDC					2		7.675.000				
			giá góc bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			Giá góc học tập 5 ô	Cái	1	3.175.000	3.175.000				
Tổng cộng					12		21.870.000				

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 4B1

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại TSCĐ: Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác					1		13.500.000				
			Ti vi 55 inch Samsung UA55AU7002KXXV	Cái	1	13.500.000	13.500.000				
Loại CCDC: Bàn					10		3.925.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa chân sắt	Cái	5	295.000	1.475.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa PP chân sắt sơn tĩnh điện	Cái	5	490.000	2.450.000				
Loại CCDC: Tủ					3		21.500.000				
			Bảng quay 2 mặt	Cái	1	2.700.000	2.700.000				
			Tủ đựng chân chiếu Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
			Tủ nhôm KT (2,0x0,35x1,2)m	Cái	1	9.900.000	9.900.000				
Loại CCDC: Quạt					1		630.000				
			Quạt đứng Media FS 40-17FRB	Cái	1	630.000	630.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					1		200.000				
			Tai nghe vi tính	Cái	1	200.000	200.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					4		1.500.000				
			Chăn hơi	Cái	3	380.000	1.140.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					6		33.885.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	2	9.505.000	19.010.000				
			Giá bày đồ chơi	Cái	1	3.400.000	3.400.000				
			Giá đồ chơi góc nấu ăn	Cái	1	3.800.000	3.800.000				
			giá góc bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			Giá góc học tập 5 ô	Cái	1	3.175.000	3.175.000				
Tổng cộng					27		75.525.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 4B2

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Bàn					5		2.450.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa PP chân sắt sơn tĩnh điện	Cái	5	490.000	2.450.000				
Loại CCDC: Tủ					3		28.700.000				
			Tủ cá nhân 15 ô	Cái	1	9.900.000	9.900.000				
			Tủ đựng chăn chiếu Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
			Tủ nhôm KT (2,0x0,35x1,2)m	Cái	1	9.900.000	9.900.000				
Loại CCDC: Quạt					1		630.000				
			Quạt đứng Media FS 40-17FRB	Cái	1	630.000	630.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					3		6.150.000				
			Bộ bàn, ghế để máy vi tính của trẻ	Cái	1	3.000.000	3.000.000				
			Giá để đồ chơi và học liệu: KT (0,9-1,2x0,3x0,6-1,2)m	Cái	1	2.950.000	2.950.000				
			Tai nghe vi tính	Cái	1	200.000	200.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					4		1.500.000				
			Chăn hơi	Cái	3	380.000	1.140.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					7		40.460.000				
			Bình nóng lạnh Rossi 20l cùng phụ kiện	Cái	1	4.850.000	4.850.000				
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	2	9.505.000	19.010.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	1	9.505.000	9.505.000				
			Giá bày đồ chơi	Cái	1	3.400.000	3.400.000				
			Giá góc mái nhà và chú gấu	Cái	1	3.460.000	3.460.000				
			Thùng đựng rác	Cái	1	235.000	235.000				
Tổng cộng					24		80.275.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 4B3

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Bàn					5		1.475.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa chân sắt	Cái	5	295.000	1.475.000				
Loại CCDC: Ghế					29		8.555.000				
			Ghế học sinh	Cái	14	295.000	4.130.000				
			Ghế nhựa học sinh	Cái	15	295.000	4.425.000				
Loại CCDC: Tủ					4		31.400.000				
			Bảng quay 2 mặt	Cái	1	2.700.000	2.700.000				
			Tủ cá nhân 15 ô	Cái	1	9.900.000	9.900.000				
			Tủ đựng chân chiếu Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
			Tủ nhôm KT (2,0x0,35x1,2)m	Cái	1	9.900.000	9.900.000				
Loại CCDC: Quạt					1		630.000				
			Quạt đứng Media FS 40-17FRB	Cái	1	630.000	630.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					2		1.200.000				
			Loa vi tính	Cái	1	1.000.000	1.000.000				
			Tai nghe vi tính	Cái	1	200.000	200.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					4		1.500.000				
			Chăn hơi	Cái	3	380.000	1.140.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					5		24.105.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	1	9.505.000	9.505.000				
			Giá bày đồ chơi	Cái	1	3.400.000	3.400.000				
			giá góc bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			Giá góc chuyên đề 4 ô + 3 ngăn kéo	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
			Giá góc chuyên đề 5 ô	Cái	1	3.200.000	3.200.000				
Tổng cộng					51		69.250.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 4B4

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Bàn					5		1.475.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa chân sắt	Cái	5	295.000	1.475.000				
Loại CCDC: Ghế					13		3.835.000				
			Ghế học sinh	Cái	13	295.000	3.835.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					2		760.000				
			Chăn hơi	Cái	2	380.000	760.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					6		21.860.000				
			Giá bày đồ chơi	Cái	1	3.400.000	3.400.000				
			Giá đồ chơi góc nấu ăn	Cái	1	3.800.000	3.800.000				
			giá góc bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			Giá góc chuyên đề 4 ô + 3 ngăn kéo	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
			Giá góc chuyên đề 5 ô	Cái	1	3.200.000	3.200.000				
			Giá góc mái nhà và chú gấu	Cái	1	3.460.000	3.460.000				
Tổng cộng					27		28.315.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Hương

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 5A1

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Ghế					19		4.465.000				
			Ghế nhựa đúc PP nhập khẩu KT (26x28x50)cm	Cái	19	235.000	4.465.000				
Loại CCDC: Quạt					1		630.000				
			Quạt đứng Media FS 40-17FRB	Cái	1	630.000	630.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					5		13.400.000				
			Bộ bàn, ghế để máy vi tính của trẻ	Cái	1	3.000.000	3.000.000				
			Giả đề đồ chơi và học liệu: KT (0,9-1,2x0,3x0,6-1,2)m	Cái	2	2.950.000	5.900.000				
			Loa vi tính	Cái	1	1.000.000	1.000.000				
			Máy in	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					6		2.260.000				
			Chăn hơi	Cái	2	380.000	760.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
			Khung hình trang trí sân khấu	Cái	2	380.000	760.000				
			Khung hình trang trí sân khấu	Cái	1	380.000	380.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					10		37.175.000				
			Bình đựng nước muối Inox 20 lít	Cái	1	1.200.000	1.200.000				
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	1	9.505.000	9.505.000				
			Giả bày đồ chơi	Cái	1	3.400.000	3.400.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
			Giá đồ chơi quây bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			giá góc bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			Giá góc chuyên đề 4 ô + 3 ngăn kéo	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
			Giá góc học tập 5 ô	Cái	1	3.175.000	3.175.000				
			Giá góc mái nhà và chú gấu	Cái	1	3.460.000	3.460.000				
			giá góc nấu ăn	Cái	1	3.700.000	3.700.000				
			Thùng đựng rác	Cái	1	235.000	235.000				
Tổng cộng					42		58.315.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 5A2

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Ghế					5		1.175.000				
			Ghế nhựa đúc PP nhập khẩu KT (26x28x50)cm	Cái	5	235.000	1.175.000				
Loại CCDC: Tủ					1		8.900.000				
			Tủ đựng chăn chiếu Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
Loại CCDC: Quạt					1		630.000				
			Quạt đứng Media FS 40-17FRB	Cái	1	630.000	630.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					3		9.450.000				
			Bộ bàn, ghế để máy vi tính của trẻ	Cái	1	3.000.000	3.000.000				
			Giá để đồ chơi và học liệu: KT (0,9-1,2x0,3x0,6-1,2)m	Cái	1	2.950.000	2.950.000				
			Máy in	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					5		1.860.000				
			Chăn hơi	Cái	2	380.000	760.000				
			Chăn hơi	Cái	2	360.000	720.000				
			Khung hình trang trí sân khấu	Cái	1	380.000	380.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					6		26.915.000				
			Bình đựng nước muối Inox 20 lít	Cái	1	1.200.000	1.200.000				
			Bình nóng lạnh Rossi 20l cùng phụ kiện	Cái	1	4.850.000	4.850.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	1	9.505.000	9.505.000				
			Giá bày đồ chơi	Cái	1	3.400.000	3.400.000				
			Giá đồ chơi quây bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			Giá góc mái nhà và chú gấu	Cái	1	3.460.000	3.460.000				
Tổng cộng					22		49.315.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 5A3

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Bàn					19		10.295.000				
			Bàn học sinh	Cái	14	630.000	8.820.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa chân sắt	Cái	5	295.000	1.475.000				
Loại CCDC: Ghế					10		2.950.000				
			Ghế nhựa học sinh	Cái	10	295.000	2.950.000				
Loại CCDC: Tủ					4		30.400.000				
			Bảng quay 2 mặt	Cái	1	2.700.000	2.700.000				
			Tủ cá nhân 15 ô	Cái	1	9.900.000	9.900.000				
			Tủ đựng chân chiếu Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
			Tủ đựng đồ cá nhân 20 ô	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
Loại CCDC: Quạt					1		630.000				
			Quạt đứng Media FS 40-17FRB	Cái	1	630.000	630.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					2		6.500.000				
			Bộ bàn, ghế để máy vi tính của trẻ	Cái	1	3.000.000	3.000.000				
			Máy in	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					3		1.120.000				
			Chăn hơi	Cái	2	380.000	760.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: CCDC					7		19.835.000				
			Bình đựng nước muối Inox 20 lít	Cái	1	1.200.000	1.200.000				
			Giá bày đồ chơi	Cái	1	3.400.000	3.400.000				
			Giá đồ chơi góc nấu ăn	Cái	1	3.800.000	3.800.000				
			Giá đồ chơi quầy bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			Giá góc chuyên đề 4 ô + 3 ngăn kéo	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
			Giá góc chuyên đề 5 ô	Cái	1	3.200.000	3.200.000				
			Thùng đựng rác	Cái	1	235.000	235.000				
Tổng cộng					47		72.115.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 5A4

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Bàn					15		6.375.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa chân sắt	Cái	5	295.000	1.475.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa PP chân sắt sơn tĩnh điện	Cái	5	490.000	2.450.000				
			Bàn học sinh mặt nhựa PP chân sắt sơn tĩnh điện KT (48x48x90)cm	Cái	5	490.000	2.450.000				
Loại CCDC: Ghế					50		12.350.000				
			Ghế nhựa đúc PP nhập khẩu KT (26x28x50)cm	Cái	40	235.000	9.400.000				
			Ghế nhựa học sinh	Cái	10	295.000	2.950.000				
Loại CCDC: Tủ					1		8.000.000				
			Tủ đựng chăn, chiếu, màn cho lớp học	Cái	1	8.000.000	8.000.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					3		9.450.000				
			Bộ bàn, ghế để máy vi tính của trẻ	Cái	1	3.000.000	3.000.000				
			Giá để đồ chơi và học liệu: KT (0,9-1,2x0,3x0,6-1,2)m	Cái	1	2.950.000	2.950.000				
			Máy in	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					5		1.860.000				
			Chăn hơi	Cái	3	380.000	1.140.000				
			Chăn hơi	Cái	2	360.000	720.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: CCDC					6		25.305.000				
			Bình đựng nước muối Inox 20 lít	Cái	1	1.200.000	1.200.000				
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	1	9.505.000	9.505.000				
			Giá bày đồ chơi	Cái	1	3.400.000	3.400.000				
			giá góc bán hàng	Cái	1	4.500.000	4.500.000				
			Giá góc chuyên đề 4 ô + 3 ngăn kéo	Cái	1	3.500.000	3.500.000				
			Giá góc chuyên đề 5 ô	Cái	1	3.200.000	3.200.000				
Tổng cộng					81		63.725.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp 5A4

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: Ghế					6		1.410.000				
			Ghế nhựa đúc PP nhập khẩu KT (26x28x50)cm	Cái	6	235.000	1.410.000				
Tổng cộng					6		1.410.000				

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp NT1

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại TSCĐ: Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác					1		13.500.000				
			Ti vi 55 inch Samsung UA55AU7002KXXV	Cái	1	13.500.000	13.500.000				
Loại CCDC: Tủ					1		8.900.000				
			Tủ đựng chần chiều Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					2		1.200.000				
			Loa vi tính	Cái	1	1.000.000	1.000.000				
			Tai nghe vi tính	Cái	1	200.000	200.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					1		360.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					6		32.495.000				
			Bình nóng lạnh Rossi 20l cùng phụ kiện	Cái	1	4.850.000	4.850.000				
			Bình nóng lạnh Rossi 20l cùng phụ kiện	Cái	1	4.850.000	4.850.000				
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	2	9.505.000	19.010.000				
			Giá góc nghệ thuật	Cái	1	3.550.000	3.550.000				
			Thùng đựng rác	Cái	1	235.000	235.000				
Tổng cộng					12		56.840.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Huông

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Lớp NT2

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại TSCĐ: Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác					1		13.500.000				
			Ti vi 55 inch Samsung UA55AU7002KXXV	Cái	1	13.500.000	13.500.000				
Loại CCDC: Ghế					8		2.360.000				
			Ghế học sinh	Cái	8	295.000	2.360.000				
Loại CCDC: Tủ					3		15.595.000				
			Bảng quay 2 mặt	Cái	1	2.700.000	2.700.000				
			Tủ đựng chân chiếu Inox	Cái	1	8.900.000	8.900.000				
			Tủ đựng đồ cá nhân trẻ	Cái	1	3.995.000	3.995.000				
Loại CCDC: CCDC chuyên môn					2		1.200.000				
			Loa vi tính	Cái	1	1.000.000	1.000.000				
			Tai nghe vi tính	Cái	1	200.000	200.000				
Loại CCDC: Chăn: chăn sưởi, chăn điện					1		360.000				
			Chăn hơi	Cái	1	360.000	360.000				
Loại CCDC: Tủ thuốc					1		385.000				
			Tủ thuốc y tế	Cái	1	385.000	385.000				
Loại CCDC: CCDC					2		19.010.000				
			Điều hòa Gree 12KC	Cái	2	9.505.000	19.010.000				
Tổng cộng					18		52.410.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Hương

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Phòng âm nhạc

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: CCDC					20		3.080.000				
			Quần áo cử nhân	Bộ	20	154.000	3.080.000				
Tổng cộng					20		3.080.000				

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Phòng kế toán

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại TSCĐ: Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)					1		11.000.000				
14/05/2024	GT000040	14/05/2024	Phần mềm hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức - tiền lương (HTCVC-TL)	Phần mềm	1	11.000.000	11.000.000				
Loại CCDC: Máy scan					1		2.700.000				
			Máy Scan	Cái	1	2.700.000	2.700.000				
Loại CCDC: Máy tính					1		450.000				
			Máy tính	Cái	1	450.000	450.000				
Loại CCDC: Tủ					1		3.650.000				
			Tủ đựng tài liệu	Cái	1	3.650.000	3.650.000				
Loại CCDC: CCDC					3		12.000.000				
			Chữ ký số Phần mềm bảo hiểm	Cái	1	3.000.000	3.000.000				
			Phần mềm bảo hiểm	Bộ	1	3.000.000	3.000.000				
			Phần mềm kế toán	Cái	1	6.000.000	6.000.000				
Tổng cộng					7		29.800.000				

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Hương

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Trường Mầm non An Thắng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại TSCĐ: Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)					1		15.610.000				
			Máy vi tính xách tay	Cái	1	15.610.000	15.610.000				
Loại TSCĐ: Máy chiếu					1		43.500.000				
			Máy chiếu	Cái	1	43.500.000	43.500.000				
Loại TSCĐ: Tivi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác					8		157.500.000				
			Tivi LG55UN721C0TF	Cái	1	21.000.000	21.000.000				
			Tivi LG55UN721C0TF	Cái	1	21.000.000	21.000.000				
			Tivi LG55UN721C0TF	Cái	1	21.000.000	21.000.000				
			Tivi LG55UN721C0TF	Cái	1	21.000.000	21.000.000				
			Tivi TCL 4K 55 inch L55P65-UF	Cái	3	17.500.000	52.500.000				
			Tivi LG 55UN721 C0TF	Cái	1	21.000.000	21.000.000				
Loại TSCĐ: Camera giám sát					2		65.720.400				
			Hệ thống camera giám sát	Cái	1	19.890.000	19.890.000				
04/11/2024	GT000041	04/11/2024	Hệ thống camera giám sát các lớp, sân, cổng		1	45.830.400	45.830.400				
Loại TSCĐ: Máy điều hòa không khí					7		107.506.000				
			Điều hòa Gree GWC 18KD	Cái	1	15.358.000	15.358.000				
			Điều hòa không khí GWC18KD	Cái	1	15.358.000	15.358.000				
			Điều hòa không khí GWC18KD	Cái	1	15.358.000	15.358.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
			Điều hòa không khí GWC18KD	Cái	1	15.358.000	15.358.000				
			Điều hòa không khí GWC18KD	Cái	1	15.358.000	15.358.000				
			Điều hòa không khí GWC18KD	Cái	1	15.358.000	15.358.000				
			Máy điều hòa không khí Gree GWC 18KD	Cái	1	15.358.000	15.358.000				
Loại TSCĐ: Thiết bị âm thanh					1		25.000.000				
			Loa âm thanh cho phát thanh học đường	Cái	1	25.000.000	25.000.000				
Loại TSCĐ: Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật					1		13.500.000				
			Tủ để đồ dùng cá nhân	Cái	1	13.500.000	13.500.000				
Loại TSCĐ: Máy móc, thiết bị khác					1		29.700.000				
			Tủ sấy bát	Cái	1	29.700.000	29.700.000				
Loại TSCĐ: Tài sản cố định hữu hình khác					4		171.120.000		1		7.300.000
			Bàn sơ chế thực phẩm cho bếp ăn	Cái	1	7.300.000	7.300.000				
31/12/2024	GG000001	31/12/2024	Bàn sơ chế thực phẩm cho bếp ăn	Cái				Điều chuyển	1	7.300.000	7.300.000
			Bàn sơ chế thực phẩm cho bếp ăn	Cái	1	14.300.000	14.300.000				
12/12/2024	GT000042	12/12/2024	Nhà bóng	Cái	1	27.000.000	27.000.000				
			Vườn cỏ tích	Công trình	1	122.520.000	122.520.000				
Loại TSCĐ: Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)					2		22.000.000				
			Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp	Bộ	1	10.000.000	10.000.000				
			Phần mềm quản lý cán bộ	Phần mềm	1	12.000.000	12.000.000				
Loại CCDC: CCDC					1		946.000				
			Atomat 3 pha 100A	Cái	1	946.000	946.000				

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Tổng cộng					29		652.102.400		1		7.300.000

- Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toản

SỔ THEO DÕI TSCĐ VÀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2024

Tên đơn vị, Phòng, Ban (hoặc người sử dụng): Văn phòng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Tên TSCĐ và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Ghi tăng TSCĐ và công cụ, dụng cụ			Ghi giảm TSCĐ và công cụ, dụng cụ			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Lý do	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	E	5	6	7
Loại CCDC: CCDC					4		2.355.000				
			Ấm siêu tốc	Cái	1	550.000	550.000				
			Cây thông Noel	Cây	1	1.250.000	1.250.000				
			Phích đựng nước	Cái	1	320.000	320.000				
			Thùng đựng rác	Cái	1	235.000	235.000				
Tổng cộng					4		2.355.000				

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huông

Nguyễn Thị Huông

Phạm Thị Toàn